



**RESULTS FOR SEMESTER 2  
SCHOOL YEAR 2019-2020**

**Class: Elementary 1**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Nguyen Huynh Ngoc Anh	9.3	9.1	9.0	8.7	9.6				8.5	7.4		8.8	B
2	Truong Cam Dao	9.0	9.3	8.4	8.6	9.5				9.2	7.6		8.8	B
3	Duong Gia Dong	9.4	8.8	8.2	7.7	7.5				7.4	6.1		7.9	C
4	Vy Thanh Hang	9.4	8.9	9.6	8.9	9.9				9.7	9.1		9.4	A
5	Tran Hien Hong	9.7	9.8	9.8	9.5	9.9				9.3	9.7		9.7	A
6	Trinh Ngoc Sao Khue	9.2	8.4	8.3	7.7	8.2				7.4	6.9		8.0	B
7	Ta Minh Ky	9.5	9.3	9.3	8.8	10.0				9.1	9.8		9.4	A
8	Hoang Tue Man	9.5	9.3	9.6	9.1	9.9				9.6	9.4		9.5	A
9	Thieu Quoc Manh	8.9	7.1	8.9	7.5	8.5				6.5	5.2		7.5	C
10	Nguyen Chau Phuong Ngan	9.1	9.1	9.5	8.9	8.4				8.2	8.4		8.8	B
11	Trinh Hong Ngoc	9.0	6.6	7.6	7.9	8.0				7.4	6.6		7.6	C
12	Van Huu Phuc	8.7	8.5	8.2	8.1	8.5				9.1	5.8		8.1	B
13	Quang Thien Quyen	8.8	7.2	6.4	6.6	6.0				5.7	6.1		6.7	C
14	Le Nguyen Anh Tai	9.1	9.2	9.6	9.1	9.9				8.7	8.8		9.2	A
15	Nguyen Do Tuyet Thanh	9.6	8.2	9.1	8.4	9.9				9.4	8.0		8.9	B
16	Le Kim Dien Thao	8.5	6.8	7.4	7.6	6.9				9.6	6.5		7.6	C
17	Le Dinh Thuyen	9.3	8.9	8.1	8.4	8.3				9.1	8.5		8.7	B
18	Nguyen Mai Tram	9.1	8.7	7.2	8.1	8.6				7.5	7.7		8.1	B
19	Tra Minh Tri	9.1	9.1	8.5	8.3	8.6				8.5	7.7		8.5	B
20	Dam Dinh Minh Tri	9.1	8.6	8.3	7.9	7.6				7.8	7.4		8.1	B
21	Tran Thai Nhu Y	8.8	6.3	6.8	7.1	6.0				6.0	4.3		6.5	C

*Class Teacher*

*IP. Manager*

*Checked by*

Vu Thi Hanh

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER 2**  
**SCHOOL YEAR 2019-2020**

**Class: Elementary 2**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Ngô Thụy Bảo Anh	8.1	6.8	6.8	6.7	6.6				6.4	3.8		7.3	C
2	Đỗ Nguyễn Hoàng Anh	7.8	6.7	7.9	7.1	6.5				8.3	5.3		6.8	C
3	Phạm Xuân Quang Anh	7.8	7.4	7.4	6.8	7.7				6.8	4.6		7.6	C
4	Đỗ Trần Quỳnh Chi	8.6	8.8	9.0	8.5	9.6				9.5	9.2		9.1	A
5	Nguyễn Thái Dũng	9.1	9.1	8.9	9.5	9.1				6.7	9.3		8.8	B
6	Vũ Kim Huy Hoàng	8.0	7.1	7.5	6.7	7.9				7.1	3.8		7.4	C
7	Nguyễn Huy Hưng	8.4	8.1	9.0	7.8	8.7				8.8	5.6		8.3	B
8	Đặng Quang Huy	7.7	5.9	5.7	5.7	6.2				4.1	5.3		5.2	D
9	Nguyễn Đình Quốc Huy	8.8	8.9	9.6	9.5	9.8				9.8	9.6		9.3	A
10	Nguyễn Quốc Huy	8.0	7.9	7.3	6.8	7.3				5.4	6.8		7.1	C
11	Trương Bình Minh	8.1	5.3	6.3	6.8	8.1				6.7	5.3		7.0	C
12	Đỗ Minh Nguyệt	8.7	8.7	9.1	9.5	9.7				9.9	9.2		9.1	A
13	Võ Mạc Thúc Quan	8.2	8.0	8.0	7.3	8.8				8.6	6.6		8.3	B
14	Nguyễn Chi Thanh	8.5	8.5	9.7	9.4	9.6				9.7	7.9		8.9	B
15	Huỳnh Lâm Minh Thành	8.5	8.6	9.0	9.6	9.8				9.8	9.1		8.9	B
16	Trần Cao Trí	9.0	8.0	8.2	8.0	9.3				7.3	8.5		8.5	B
17	Ngô Gia Tường	6.4	8.2	8.4	7.7	9.3				7.4	6.8		7.8	C
18	Nguyễn Phú Vinh	6.9	7.5	8.5	7.6	8.9				7.9	7.5		8.0	B
19	Trần Ngọc Minh Xuân	7.3	7.7	8.0	7.5	8.1				8.3	5.4		8.0	B
20	Võ Văn Phương Yến	7.7	8.5	8.2	8.5	9.3				5.3	7.5		8.3	B

*Class Teacher*

*IP. Manager*

*Checked by*

Trần Thị Trinh

Nguyễn Ngọc Tiên

Nguyễn Thị Hồng Dung



**RESULTS FOR SEMESTER 2  
SCHOOL YEAR 2019-2020**

**Class: Elementary 3**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Nghiem Phuong Anh	8.4	7.7	7.8	8.5	9.3				8.0	7.4		8.2	B
2	Vu Quynh Chi	8.0	6.8	7.3	6.8	8.0				6.3	5.9		7.0	C
3	Do Khac Gia Dat	7.3	6.9	6.0	5.8	7.2				6.9	4.6		6.4	D
4	Hoang The Khang	7.8	8.6	7.8	6.5	8.8				5.4	6.1		7.3	C
5	Le Dang Khoa	7.3	6.6	7.1	5.5	7.4				3.4	3.8		5.9	D
6	Ai Phuc Canh Khoi	7.0	6.7	7.4	6.4	8.1				6.7	6.7		7.0	C
7	Huynh Boi Man	6.3	6.0	6.6	5.9	7.9				6.4	5.1		6.3	D
8	Lam Quang Minh	6.7	8.7	7.7	7.7	10.0				9.7	6.4		8.1	B
9	Tien Tuan Minh	7.3	8.6	8.4	8.1	8.6				5.9	7.9		7.8	C
10	Hy Duong Vu Noi	7.3	8.9	9.3	7.2	8.9				5.9	5.2		7.5	C
11	Tran Hong Phat	8.3	7.4	7.5	6.9	8.5				6.0	6.2		7.3	C
12	Ngo Tran Minh Sang	8.1	9.7	8.7	8.2	9.4				7.6	8.7		8.6	B
13	Diep Quoc Thai	8.0	9.1	8.7	8.4	8.8				9.3	8.4		8.7	B
14	Nguyen Lam Minh Thu	7.4	5.9	6.5	5.8	6.9				7.5	4.6		6.4	D
15	Tran Hoang Tien	8.4	9.1	8.6	8.2	9.0				6.8	7.1		8.2	B
16	Vu Thi Bich Tram	8.7	7.3	8.2	7.9	8.6				9.0	6.2		8.0	B
17	Nguyen Le Khanh Tram	8.4	6.1	7.5	6.6	8.0				6.7	6.4		7.1	C
18	Lam Thuy Tuong Vy	9.3	9.6	9.1	8.1	9.0				7.5	9.3		8.8	B
19	Tran Ngoc Khanh Vy	8.0	5.9	6.9	6.6	9.6				5.6	6.9		7.1	C
20	Tran Tuong Vy	8.7	8.1	8.7	7.6	8.8				8.5	6.6		8.1	B

*Class Teacher*

*IP. Manager*

*Checked by*

Phan Anh Hong

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER 2  
SCHOOL YEAR 2019-2020**

**Class: Elementary 4**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Bui Nguyen Nha An	8.4	7.4	8.7	8.0	9.1				7.4	8.0		8.1	B
2	Ngo Vo Lan Chi	9.0	8.0	7.6	7.6	9.2				7.6	6.2		7.9	C
3	Nguyen Manh Dung	8.2	7.0	6.0	6.3	7.7				3.8	4.2		6.2	D
4	Pham Hoang Huy	8.5	6.0	7.4	6.0	7.9				6.4	6.7		7.0	C
5	Nguyen Cham Khanh	8.5	7.0	6.4	6.7	6.2				6.0	4.3		6.4	D
6	Nguyen Nhat Minh	7.0	5.3	5.6	5.7	7.3				3.8	3.6		5.5	D
7	Le Doan Xuan Nghi	9.1	8.3	7.3	7.2	8.3				5.6	4.1		7.1	C
8	Tang Thi Nha	9.0	8.0	8.4	6.9	9.3				7.2	5.2		7.7	C
9	Nguyen Tue Nhan	9.1	8.3	9.0	8.8	9.1				8.9	9.0		8.9	B
10	Nguyen Ngoc Uyen Nhi	9.4	6.5	7.0	7.6	8.2				8.1	5.0		7.4	C
11	Phung Vo Quang Sang	9.2	9.4	9.4	9.3	9.2				8.7	8.8		9.1	A
12	Huynh Ba Vinh Son	8.6	6.6	7.6	7.5	8.0				7.1	3.8		7.0	C
13	Tran Thanh	8.5	8.3	9.0	8.0	8.7				8.8	8.3		8.5	B
14	Tran Gia Thanh	8.2	6.9	6.8	6.3	8.7				4.4	4.4		6.5	C
15	Bui Dang Thinh	9.2	8.4	8.1	8.4	8.5				5.9	7.7		8.0	B
16	Banh Thien Tue	8.6	7.6	8.1	7.4	8.2				8.0	4.9		7.5	C
17	Nguyen Minh Tuong Vi	9.4	9.2	8.7	8.6	9.8				8.9	8.3		9.0	A
18	Hoang Ngoc Khanh Vy	8.8	6.5	6.8	5.4	6.9				5.1	3.9		6.2	D

*Class Teacher*

*IP. Manager*

*Checked by*

H'Suyn Nie

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER 2  
SCHOOL YEAR 2019-2020**

**Class: Elementary 5**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Mai Ngoc Anh	8.5	7.9	8.2	8.6	8.3				9.1	6.8		8.2	B
2	Ha Quang Bao	8.2	4.9	5.4	6.0	5.9				4.5	4.6		5.6	D
3	Pham Tan Co	9.4	9.8	9.9	9.6	10.0				10.0	9.6		9.8	A
4	Nguyen Ngoc Danh	8.5	7.1	7.3	7.5	6.9				7.9	6.6		7.4	C
5	Do Phuc Dat	9.0	7.3	8.2	7.9	9.6				9.2	9.5		8.7	B
6	Thai Duong	8.9	9.1	9.4	8.3	9.7				9.1	8.1		8.9	B
7	Lam Bao Han	9.9	9.2	9.7	9.6	10.0				9.7	9.4		9.6	A
8	Truong Ngoc Hien	9.6	8.5	9.6	9.3	9.8				9.4	9.7		9.4	A
9	Nguyen Bao Khang	9.7	9.6	9.3	9.5	9.6				9.5	9.3		9.5	A
10	Nguyen Duy Khuong	8.4	7.1	8.1	8.4	9.4				8.0	8.4		8.3	B
11	Nguyen Pham Truc My	8.5	8.4	7.5	7.7	6.8				5.5	7.5		7.4	C
12	Doan Nguyen My Ngan	9.3	8.4	9.1	8.7	9.6				9.3	9.5		9.1	A
13	Le Hoang Yen Nhi	9.9	8.5	9.0	8.9	9.7				8.5	8.6		9.0	A
14	Nguyen Ngoc Thuc Nhi	9.7	9.1	9.2	8.9	9.9				9.7	9.7		9.5	A
15	Huynh Thieu Phong	9.3	9.5	9.6	9.0	9.4				9.7	8.5		9.3	A
16	Nguyen Hoang Minh Quan	7.4	4.2	6.0	5.7	5.3				4.3	4.3		5.3	D
17	Dang Vu Truc Quyen	9.7	8.3	9.2	8.7	9.7				8.6	8.7		9.0	A
18	Nguyen Khanh Quynh	9.7	9.5	8.4	8.8	9.7				9.1	9.1		9.2	A
19	Tran Nguyen Minh Truyen	9.4	8.8	9.3	8.5	9.7				9.4	9.5		9.2	A
20	Pham Kim Uyen	9.1	7.6	7.3	7.9	7.5				5.9	6.0		7.3	C
21	Ngo Phi Hoang Khanh Vy	9.3	8.9	9.3	8.5	9.5				8.8	9.1		9.1	A

*Class Teacher*

*IP. Manager*

**Checked by**

Dong Thi Le Quyen

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 6

Table with 14 columns: No., Name, Speaking, Listening, Grammar, Reading & Writing, Biology, Geography, Physics, Chemistry, Mathematics, History, Literature, GPA, Ranking. It lists 21 students and their scores across various subjects.

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Min

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER 2  
SCHOOL YEAR 2019-2020**

**Class: Elementary 7**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Le Nguyen Minh Anh	8.5	9.9	9.9	9.3	9.7				9.8	9.8		9.6	A
2	Le Nguyen Hong Chau	9.4	9.8	9.7	8.5	9.5				9.6	9.3		9.4	A
3	Do Nguyen Minh Dat	9.8	9.8	9.0	8.1	9.6				9.6	8.7		9.2	A
4	Tran Huu Duc	9.4	7.1	6.8	8.3	9.5				8.5	7.6		8.2	B
5	Nguyen Tran Bao Khang	9.6	8.5	7.5	7.8	9.5				8.1	5.4		8.1	B
6	Nguyen Ngoc K'Mi	9.0	8.5	8.4	7.7	8.9				6.7	9.3		8.4	B
7	Ho Dang Khanh Linh	9.0	7.9	7.9	8.4	9.3				7.7	7.0		8.2	B
8	Dang Doan Minh Long	10.0	9.5	8.1	8.5	9.0				6.9	8.2		8.6	B
9	Weng Hoa Nam	7.6	7.9	7.6	6.8	8.5				7.3	6.8		7.5	C
10	Nguyen Diep Thao Ngan	8.2	9.1	9.3	8.3	9.6				9.8	9.2		9.1	A
11	Huynh Kim Ngoc	8.9	8.5	8.1	7.7	9.2				5.9	5.7		7.7	C
12	Nguyen Khanh Ngoc	9.4	9.6	8.8	8.9	9.4				9.6	8.2		9.1	A
13	Nguyen Vi Nguyen	8.1	6.5	5.8	6.0	7.1				7.8	4.5		6.5	C
14	Lam Khanh Quan	9.8	9.4	8.3	9.7	9.6				9.9	9.5		9.5	A
15	Phan Ngoc Lan Thanh	8.2	8.0	7.4	7.7	8.9				7.4	6.4		7.7	C
16	Le Mac Quang Tien	8.8	7.1	6.6	7.3	7.9				6.8	5.8		7.2	C
17	Nguyen Linh Trang	9.3	8.5	8.8	8.0	9.1				8.1	8.5		8.6	B
18	Bui Xuan Trong	8.3	7.4	7.8	7.5	9.4				7.9	5.7		7.7	C
19	Nguyen Quoc Trung	6.8	6.1	5.4	5.8	7.6				5.2	3.7		5.8	D
20	Pham Minh Van	7.7	6.9	5.4	5.7	7.3				4.9	3.8		6.0	D
21	Phan Thanh Nha Van	7.7	5.1	5.7	5.6	6.9				6.5	4.0		5.9	D
22	Nguyen Minh Chau	7.8	7.6	7.3	7.8	9.5				6.3	8.0		7.8	C

*Class Teacher*

*IP. Manager*

*Checked by*

Bien Thi Loan

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 8

Table with 14 columns: No., Name, Speaking, Listening, Grammar, Reading & Writing, Biology, Geography, Physics, Chemistry, Mathematics, History, Literature, GPA, Ranking. It lists 21 students and their scores across various subjects.

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Doan Thi Bich Phuong

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung





**RESULTS FOR SEMESTER 2  
SCHOOL YEAR 2019-2020**

**Class: Elementary 9**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Luong Thi Ai	8.2	8.6	7.4	7.8	8.2				7.1	5.3		7.5	C
2	Nguyen Huu Minh Anh	9.4	9.1	9.7	9.6	9.5				9.7	9.5		9.5	A
3	Dang Que Anh	6.9	5.9	8.4	6.9	7.7				7.5	4.6		6.8	C
4	Truong Gia Bach	7.4	8.5	8.1	7.6	9.3				8.3	4.9		7.7	C
5	Luu Hoang Chau	6.8	7.3	7.2	6.8	8.0				8.9	3.9		7.0	C
6	Mai Kim Hao	6.3	8.2	7.5	6.8	8.8				6.1	2.5		6.6	C
7	Tran Huy	7.2	7.2	7.7	7.2	9.8				9.1	4.7		7.6	C
8	Nguyen Hoang Khang	5.9	7.0	6.1	6.2	7.9				4.2	3.0		5.8	D
9	Tran Ngoc Khue	7.3	7.4	7.4	6.1	8.1				8.1	3.6		6.9	C
10	Nguyen Ngoc Tuan Minh	8.7	8.9	8.2	8.4	9.2				7.0	8.6		8.4	B
11	Nguyen Thu Bao Minh	9.6	8.6	9.9	9.6	10.0				9.7	9.8		9.6	A
12	Truong May My	8.6	8.5	8.7	7.5	8.6				6.5	6.0		7.8	C
13	Ngo Man Nghi	8.1	8.3	8.2	8.2	9.1				7.5	5.9		7.9	C
14	Muon Ngoc Nhan	7.5	7.0	5.9	6.3	7.5				4.5	2.5		5.9	D
15	Luu Vi Phong	7.6	7.7	7.3	6.9	9.4				8.4	5.4		7.5	C
16	Phan Duc Minh Quan	7.4	5.3	7.4	6.1	7.7				4.9	2.4		5.9	D
17	Du Tan Quang	6.8	7.8	7.0	7.1	8.1				5.0	4.5		6.6	C
18	Ho Vien Thu	9.0	8.4	9.4	7.9	9.4				8.2	5.7		8.3	B
19	Trinh Phuong Thuy	6.4	6.9	6.3	6.4	7.7				4.3	3.1		5.9	D
20	Tran Anh Thy	9.1	8.4	9.6	9.6	9.9				7.8	9.1		9.1	A
21	Huynh Bao Tram	8.6	8.7	9.3	8.2	9.7				9.3	7.9		8.8	B
22	Tran Cat Nhu Y	8.4	7.9	7.6	6.7	7.9				8.4	4.9		7.4	C

**Class Teacher**

**IP. Manager**

**Checked by**

Ho Thi Thanh Sang

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER 2  
SCHOOL YEAR 2019-2020**

**Class: Elementary 10**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Bui Minh Anh	7.1	5.2	4.4	4.7	5.1				3.1	3.9		4.8	F
2	Vu Ngoc Tram Anh	5.9	5.3	3.2	4.7	5.2				4.0	3.8		4.6	F
3	Ton Nu Phuong Chi	5.8	5.4	3.8	4.9	5.4				5.2	5.0		5.1	D
4	Tran Minh Hieu	5.9	5.8	3.5	5.2	4.8				3.2	3.4		4.5	F
5	Tran Gia Hoa	8.2	6.6	6.2	6.6	7.3				5.7	5.1		6.5	C
6	Nguyen Hoang Minh Huy	7.4	5.7	4.3	6.0	5.7				5.2	6.1		5.8	D
7	Nguyen Trong Hy	8.7	9.0	8.3	8.5	8.8				3.7	8.3		7.9	C
8	Nguyen Anh Khoi	9.6	8.5	7.7	7.7	9.1				8.0	7.2		8.3	B
9	Ho Du Khanh Khoi	9.3	9.4	8.5	8.4	9.7				8.4	8.1		8.8	B
10	Nguyen Thi Minh Ngoc	7.8	7.5	7.0	8.2	7.5				7.2	6.1		7.3	C
11	Vo Thien Tri Nhan	9.0	8.1	8.6	8.7	9.7				8.3	8.9		8.8	B
12	Nguyen Thi Quynh Nhu	6.7	6.0	5.6	5.5	5.5				4.2	3.7		5.3	D
13	Ly Phu	9.5	8.0	9.0	8.2	6.6				6.2	6.3		7.7	C
14	Nguyen Truc Quan	8.3	7.9	8.0	7.5	9.8				9.2	7.7		8.3	B
15	Ly Quy	8.1	7.6	8.1	7.1	6.6				5.3	5.7		6.9	C
16	Nguyen Hoang Anh Thu	7.7	5.0	5.1	6.1	7.9				5.7	4.2		6.0	D
17	Tran Huynh Phuong Tran	8.8	8.1	9.2	8.6	9.1				8.3	8.7		8.7	B
18	Tran Ngoc Bao Tran	7.2	6.1	6.1	7.0	9.0				6.1	4.3		6.5	C
19	Nguyen Le Quynh Trang	8.5	7.9	9.2	9.1	8.4				6.2	6.8		8.0	B
20	Tran Van Trung	7.3	7.0	5.7	5.5	6.1				6.0	4.4		6.0	D
21	Huynh Van Truong	7.9	6.7	5.9	6.2	7.3				3.8	4.5		6.0	D

*Class Teacher*

*IP. Manager*

*Checked by*

Hoang Thi Hue

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Elementary 11

Table with 14 columns: No., Name, Speaking, Listening, Grammar, Reading & Writing, Biology, Geography, Physics, Chemistry, Mathematics, History, Literature, GPA, Ranking. It lists 24 students and their scores across various subjects.

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Hong Nhi

Nguyen Ngoc Tien

Nguyen Thi Hong Dung